

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG HB
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG HB

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HB ENVIRONMENT SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108576529

3. Ngày thành lập: 07/01/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

U4, Lô 11, Khu đô thị Dương Nội, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bốc xếp hàng hóa	5224
2.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
3.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
4.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5510
5.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
6.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
7.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
8.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
9.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5630
10.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
11.	Xây dựng nhà để ở	4101
12.	Xây dựng nhà không để ở	4102
13.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
14.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chông ẩm các toà nhà, + Lợp mái bao phủ toà nhà,	4390
15.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661

16.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;	4752
17.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
18.	Quảng cáo	7310
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
20.	Thu gom rác thải độc hại	3812
21.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821(Chính)
22.	Xây dựng công trình điện	4221
23.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
24.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
25.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
26.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
27.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
28.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
29.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (mặt hàng Nhà nước cho phép) (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8299
30.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
31.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
32.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
33.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
34.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
35.	Bán buôn thực phẩm	4632
36.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
37.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
38.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
39.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
40.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
41.	Sản xuất sợi	1311
42.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
43.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
44.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512

45.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
46.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
47.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
48.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
49.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
50.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
51.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
52.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
53.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa	4610
54.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610
55.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
56.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
57.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
58.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (loại Nhà nước cho phép)	4669
59.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
60.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
61.	Tái chế phế liệu	3830
62.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
63.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
64.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
65.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
66.	Xây dựng công trình thủy	4291
67.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
68.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
69.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649

70.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
71.	Phá dỡ	4311
72.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
73.	Dịch vụ đóng gói	8292
74.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
75.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
76.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
77.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim;	4663
78.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
79.	Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quầy bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5629
80.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRẦN NAM DƯƠNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/10/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011082000035

Ngày cấp: 27/08/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: U4, Lô 11, Khu đô thị Dương Nội, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: U4, Lô 11, Khu đô thị Dương Nội, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN NAM DƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/10/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011082000035

Ngày cấp: 27/08/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: U4, Lô 11, Khu đô thị Dương Nội, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: U4, Lô 11, Khu đô thị Dương Nội, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội